TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2018
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH- TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Toàn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trần Văn Điệp**
2. Ông **Thái Minh Trí**
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Oanh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa***: Ông **Vũ Đình Tứ**- kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 480/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 81/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: tổ 11, ấp 2, xã S, huyện L, tỉnh Đ.
+ *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: tổ 11, ấp 2, xã S1, huyện L1, tỉnh Đ1.
Tạm trú: 446/13/4/2/12, tổ 17, ấp B, xã P1, huyện N1, tỉnh Đ1.

(Chị N có mặt; anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Giữa chị và anh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện N1, tỉnh Đ1.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp B, xã P1. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chăm lo cho gia đình, sử dụng ma túy, nhiều lần dùng dao đe dọa, uy hiếp tinh thần chị. Vì vậy từ tháng 01/2018 chị bỏ gia đình về nhà cha mẹ ruột tại xã S, huyện L, tỉnh Đ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

+ *Về con chung*: Có 01 cháu tên Phạm Ngọc Bảo H, sinh ngày 06/01/2013.

Hiện chị đang nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Chị N thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, còn anh P không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để đến tham dự phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Bảo H, sinh ngày 06/01/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Phạm Văn P biết đến Tòa làm việc nhưng anh P không có mặt để cung cấp lời khai, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến cũng như ý kiến phản bác, do đó không có lời khai của anh P tại hồ sơ,

Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và những chứng cứ do chị N cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh P không có mặt nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh P.

[2] *Về hôn nhân*: Chị N và anh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện N1, tỉnh Đ1, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy chị N xin ly hôn nguyên nhân là do anh P không không chăm lo cho gia đình, sử dụng ma túy, nhiều lần dùng dao đe dọa, uy hiếp tinh thần chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh P tham dự phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh P không đến dự phiên hòa giải, chứng tỏ anh P không có thiện chí đoàn tụ và theo lời khai của chị N giữa vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay nhưng không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh P.

[3] *Về con chung*: Có 01 cháu tên Phạm Ngọc Bảo H, sinh ngày 06/01/2013.

Tại phiên toà hôm nay, chị N xin được nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy việc giao con cho chị N hay anh P nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Chị N và anh P đều có đủ điều kiện nuôi dạy con tốt nhưng hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống cháu đã ổn định, vì vậy để giữ sự ổng định cuộc sống của trẻ cần giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N nuôi con không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên không xét.

[4] *Về tài sản chung*: Do không ghi được lời khai của anh P nên không có cơ sở xem xét về tài sản, vì vậy các đương sự được quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung nếu có yêu cầu.

[5] *Về nợ chung*: không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N. Xử cho chị N được ly hôn anh Phạm Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Bảo H, sinh ngày 06/01/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con chung, anh P được quyền đến thăm con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 002043 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã Suối Trầu, xã Phước Thiền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Toàn